

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **7195** /BTC-CTHà Nội, ngày **26** tháng **5** năm 2025

V/v đề nghị góp ý đối với dự thảo Nghị định quy định về phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế, quản lý thuế.

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

HOÀ-TỐC

Thực hiện Kế hoạch số 447/KH-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ về xây dựng các nghị định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền gắn với việc thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định về phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế, quản lý thuế.

Thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 51 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 về việc lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với Dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu và có ý kiến góp ý đối với nội dung Dự thảo Nghị định nêu trên và Tờ trình Nghị định (gửi kèm).

Văn bản góp ý đề nghị gửi về Bộ Tài chính (Cục Thuế) trước ngày 27/5/2025 (riêng bản word xin gửi về đầu mối liên hệ: ông Nguyễn Thành Minh, Địa chỉ email: ntminh02@gdt.gov.vn) để Bộ Tài chính kịp thời tổng hợp, hoàn thiện Hồ sơ.

Trân trọng sự phối hợp công tác của Quý cơ quan, đơn vị. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng website);
- Công TTĐT Bộ Tài chính (để đăng website);
- Vụ PC - BTC;
- Cục QLGCST;
- Lưu: VT, CT (VT,CS).

(6b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

**Cao Anh Tuấn**

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo 24.05.2025

TỜ TRÌNH

**Dự thảo nghị định quy định về phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước
trong lĩnh vực thuế, quản lý thuế**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025, Kế hoạch số 447/KH-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ về xây dựng các nghị định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền gắn với việc thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại công văn số 2891/BTP-PLHSHC ngày 23/5/2025, Bộ Tài chính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế, quản lý thuế (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, đường lối về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đặc biệt là Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”. Nghị quyết yêu cầu rà soát nhiệm vụ, quyền hạn để phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương, nhằm tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Trung ương nhấn mạnh phải phát huy tinh chủ động, sáng tạo, đề cao trách nhiệm của từng cấp, từng ngành gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực. Nghị quyết 18-NQ/TW cũng chỉ đạo hoàn thiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp chính quyền và cơ chế phân cấp, ủy quyền giữa các cấp.

Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021–2030 (theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/07/2021 của Chính phủ) cũng coi phân cấp, phân quyền là trọng tâm, yêu cầu đơn giản hóa tổ chức, cắt giảm thủ tục và ủy quyền mạnh mẽ để tăng tính chủ động của địa phương trong quản lý. Thủ

tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/09/2021 nhằm đẩy mạnh triển khai chương trình cải cách hành chính này trên phạm vi cả nước, qua đó thúc đẩy các bộ, ngành phân cấp, ủy quyền nhiều hơn cho cấp dưới và xóa bỏ các thủ tục không cần thiết cản trở sự chủ động của địa phương.

Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025 đã quy định cụ thể hơn các nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ và các thành viên Chính phủ trong việc thống nhất quản lý nhà nước. Luật cũng quy định về phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp. Tại Khoản 1 Điều 8 Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18/2/2025 quy định: *Phân cấp trong hệ thống cơ quan nhà nước là việc cơ quan, người có thẩm quyền giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật với các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đó theo nguyên tắc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp chịu trách nhiệm hoàn toàn về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp. Việc phân cấp phải được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền phân cấp.* Tại khoản 2 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ quy định: *"Trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, để bảo đảm giải quyết việc phân quyền, phân cấp đối với một số lĩnh vực ưu tiên, cấp bách, giao Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh một số nhiệm vụ, quyền hạn và quy định khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thống nhất áp dụng, định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trường hợp liên quan đến luật, nghị quyết của Quốc hội thì báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất."*

Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước đã yêu cầu rà soát, sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu quả; phân định rõ nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực giữa các cơ quan, tổ chức; tăng cường phân cấp, phân quyền hợp lý cho bộ, ngành, địa phương.

Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Việc ban hành Nghị định là thể chế hóa quan điểm: *"Thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm"; "đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương, bảo đảm đủ điều kiện, nguồn lực để thực hiện, nâng cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương"*.

Kết luận số 155-KL/TW ngày 16/05/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư - kết luận sau Hội nghị Trung ương 11 khóa XIII - đề ra nhiệm vụ trọng tâm về

sắp xếp tổ chức bộ máy và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Trong kết luận này, Bộ Chính trị giao Đảng ủy Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo triển khai phân cấp, phân quyền theo các nguyên tắc chính: (1) Ở tầm vĩ mô, trung ương tập trung quản lý chiến lược, thể chế, quy hoạch và tăng cường kiểm tra, giám sát, đồng thời phân cấp, phân quyền đủ mạnh, rõ, hợp lý những nhiệm vụ trung ương đang làm cho địa phương theo đúng tinh thần “*địa phương quyết định, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”. (2) Song song, kết luận nhấn mạnh việc phân định rõ thẩm quyền chung của tập thể UBND với thẩm quyền riêng của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp xã, qua đó đề cao trách nhiệm người đứng đầu và tránh tình trạng dùn dẩy, né tránh trách nhiệm trong bộ máy chính quyền địa phương. Kết luận 155-KL/TW thể hiện tinh thần chỉ đạo mới nhất của Đảng: đẩy mạnh phân quyền, phân cấp thực chất gắn liền với phân rõ trách nhiệm và siết chặt kỷ cương trong hệ thống hành chính.

Tại Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 15/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương có yêu cầu: “*Rà soát tổng thể các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để điều chỉnh thống nhất với nguyên tắc phân định thẩm quyền, quy định về phân quyền, phân cấp tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương*”.

Trên cơ sở đó, Ban Chỉ đạo Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ đã ban hành công văn số 48/CV-BCĐTKNQ18 ngày 03/5/2025 về việc đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Trong lĩnh vực thuế, hiện nay nhiều nhiệm vụ, thẩm quyền vẫn tập trung ở Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản pháp luật liên quan, chưa được phân cấp, phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính. Điều này làm giảm tính chủ động, linh hoạt và kịp thời trong công tác điều hành, quản lý thuế, nhất là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, đòi hỏi phải có sự phản ứng chính sách nhanh chóng, hiệu quả.

2. Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đang giao nhiều nội dung cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ như quy định về đơn giản hóa chứng từ khai thuế đã có trong hệ thống, chi tiết về thời điểm khai thuế theo tháng/quý/năm, thời hạn nộp hồ sơ các loại thuế đất đai và tài nguyên, địa điểm nộp cho người có nhiều hoạt động kinh doanh, thủ tục khoan nợ và xóa nợ từ 15 tỷ đồng, chi tiết về dịch vụ hóa đơn điện tử. Trong thực tế triển khai Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn, đã phát sinh nhiều vấn đề cần phải điều chỉnh, bổ sung kịp thời để đáp ứng yêu cầu quản lý. Tuy nhiên, do các thẩm quyền nêu trên tập trung ở Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nên việc sửa đổi, bổ sung thường mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến hiệu quả

công tác quản lý thuế. Diễn hình như trường hợp vướng mắc về chính sách hóa đơn điện tử khi triển khai Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đã phải chờ gần một năm mới được điều chỉnh, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tuân thủ. Tương tự, quy trình xử lý xóa nợ thuế trên 15 tỷ đồng cho doanh nghiệp phá sản phải qua nhiều cấp thẩm quyền, khiến thời gian giải quyết kéo dài từ 1-2 năm, ảnh hưởng đến quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp và thu hồi vốn của ngân sách. Việc phân cấp thẩm quyền sẽ giúp rút ngắn thời gian xử lý các vấn đề này, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng hơn cho doanh nghiệp và người dân.

Mặt khác, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, trong đó có lĩnh vực thuế. Các hình thức kinh doanh mới, phương thức thanh toán mới, nền kinh tế số... đòi hỏi cơ quan quản lý thuế phải có những điều chỉnh chính sách, quy trình quản lý kịp thời, linh hoạt. Xu thế cải cách quản lý thuế của các nước hiện nay là thực hiện chuyển đổi số trong quản lý thuế, như số hoá quản lý, xây dựng mô hình quản lý thuế điện tử toàn diện, tích hợp các dịch vụ công trực tuyến, áp dụng công nghệ hiện đại trong việc kê khai, nộp thuế và hoàn thuế. Việc thực hiện các thủ tục hành chính thuế trên môi trường điện tử không chỉ giúp người nộp thuế tiết kiệm đáng kể thời gian, chi phí tuân thủ mà còn nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong công tác quản lý thuế của nhà nước. Với việc phân cấp thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính, công tác quản lý thuế sẽ có được sự chủ động cần thiết để xây dựng, điều chỉnh và ban hành các quy định phù hợp với đặc thù thực tiễn, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý và tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

Hiện nay một số thủ tục hành chính thuế cần được điều chỉnh, sửa đổi nhanh chóng để đáp ứng yêu cầu thực tiễn như: nộp hồ sơ khai thuế, hóa đơn điện tử, xóa nợ thuế... Do đó, việc phân cấp, Bộ trưởng Bộ Tài chính sẽ có thể ban hành các quy định cụ thể, chi tiết và kịp thời hơn, góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người nộp thuế và cơ quan thuế.

Với những cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị định quy định về phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế là hết sức cần thiết, góp phần thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Mục đích của việc ban hành Nghị định là đáp ứng yêu cầu chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về triển khai Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và kịp thời đẩy mạnh phân quyền, phân cấp đối với một số lĩnh vực ưu tiên, cấp bách trong lĩnh vực thuế, quản lý thuế cho cơ quan quản lý nhà nước các cấp và chính quyền địa phương, theo đó Nghị định này được ban hành để phân cấp, phân quyền một số nhiệm vụ, thẩm quyền

từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Tài chính và từ Bộ Tài chính cho UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giúp:

- Tăng tính chủ động, linh hoạt và kịp thời trong việc ban hành các quy định, hướng dẫn chi tiết trong lĩnh vực thuế.
- Đơn giản hóa quy trình, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thuế.
- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế.
- Giảm tải công việc cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, tạo điều kiện để tập trung vào các nhiệm vụ quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô.
- Thực hiện chủ trương đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách thể chế.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Thứ nhất, bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp và các nguyên tắc, quy định về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Thứ hai, bảo đảm phân cấp triệt để các nhiệm vụ giữa cơ quan nhà nước ở trung ương với chính quyền địa phương, bảo đảm quyền quản lý thống nhất của Chính phủ, quyền điều hành của người đứng đầu Chính phủ đối với lĩnh vực quản lý nhà nước về thuế, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị được phân cấp.

Thứ ba, bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan; không để gián đoạn công việc, không để chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, người dân, doanh nghiệp.

Thứ tư, bảo đảm không làm gián đoạn việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các cam kết quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thứ năm, bảo đảm rà soát tất cả các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế, quản lý thuế thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Tài chính để soạn thảo quy định phân cấp, phân quyền triệt để các nhiệm vụ giữa cơ quan nhà nước ở trung ương với chính quyền địa phương; bảo đảm quyền quản lý thống nhất của Chính phủ, quyền điều hành của người đứng đầu Chính phủ đối với lĩnh vực quản lý nhà nước về thuế, quản lý thuế; bảo đảm phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước lĩnh vực thuế.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Nghị định này quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người có thẩm quyền trong lĩnh vực thuế, quản lý thuế được quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ cần điều chỉnh để thực hiện phân quyền, phân cấp.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Căn cứ Kế hoạch số 447/KH-CP về việc xây dựng các Nghị định phân cấp, phân định thẩm quyền gắn với việc thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương (CQDP) 02 cấp và tính cấp thiết của việc phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thuế, Bộ Tài chính xác định việc xây dựng dự thảo Nghị định được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn¹ theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

Việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với dự thảo Nghị định này được thực hiện căn cứ vào tính cấp thiết và yêu cầu điều chỉnh kịp thời các thẩm quyền trong quản lý thuế để đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, không làm gián đoạn công việc của các cơ quan nhà nước, không ảnh hưởng đến hoạt động của người dân, doanh nghiệp.

Thực hiện quy định tại Điều 51 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Điều 35 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP về trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã và dự kiến sẽ thực hiện các công việc chủ yếu sau:

1. Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ Nghị định gồm dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình Chính phủ.
2. Bộ Tài chính đã có công văn số ngày xin ý kiến bằng văn bản các cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến nội dung dự thảo Nghị định. Đồng thời, để đảm bảo tính công khai, minh bạch, dự thảo Nghị định đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính từ ngày [ngày tháng năm] để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.
3. Bộ Tài chính đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo Nghị định.
4. Ngày, Bộ Tài chính đã gửi hồ sơ dự thảo Nghị định đến Bộ Tư pháp để thẩm định. Tại Báo cáo thẩm định số ngày, Bộ Tư pháp đã có ý kiến thẩm định về dự thảo Nghị định.
5. Bộ Tài chính đã tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ.

Việc áp dụng thủ tục rút gọn đối với dự thảo Nghị định này giúp rút ngắn thời gian xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản, đảm bảo kịp thời ban hành

¹ Tại công văn số 40/KH-BCĐ ngày 19/4/2025 của Ban chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQDP 2 cấp đã cho xây dựng Nghị định này theo trình tự, thủ tục rút gọn

các quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thuế, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định gồm 12 điều, được bố trí thành 5 chương, cụ thể như sau:

- Chương I: Quy định chung, bao gồm: Điều 1: Phạm vi điều chỉnh; Điều 2: Nguyên tắc phân cấp, phân quyền

- Chương II: Phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực chính sách thuế, bao gồm: Điều 3: Xây dựng, ban hành bảng giá tính lệ phí trước bạ và bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung; Điều 4: Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chương III: Phân quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý thuế, bao gồm: Điều 5: Hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp và địa điểm nộp hồ sơ khai thuế, Điều 6: Khoanh nợ thuế, Điều 7: Thẩm quyền quyết định xóa nợ thuế, Điều 8: Quản lý hóa đơn điện tử, Điều 9: Trách nhiệm của Bộ Tài chính.

- Chương IV: Phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý thuế, bao gồm: Điều 10: Phê duyệt nội dung, ký kết và quyết định thời điểm có hiệu lực của thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA).

- Chương V: Điều khoản thi hành, bao gồm: Điều 11: Điều khoản chuyển tiếp, Điều 12: Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Qua rà soát các Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, về lĩnh vực chính sách thuế, quản lý thuế có tổng cộng 411 nhiệm vụ (bao gồm 43 nhiệm vụ liên quan đến quản lý thuế và 368 nhiệm vụ liên quan đến chính sách thuế) thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tài chính, trong đó:

- Có 401 nhiệm vụ (bao gồm 34 nhiệm vụ liên quan đến quản lý thuế và 367 nhiệm vụ liên quan đến chính sách thuế) (chiếm 97.5% tổng số nhiệm vụ) đề xuất không phân cấp, phân quyền cho Bộ Trưởng Bộ Tài chính, chính quyền địa phương. Lý do không đề xuất phân cấp, phân quyền:

+ Về nội dung liên quan chính sách thuế: chính sách thuế, phí, lệ phí gắn với nhiệm vụ nêu trên áp dụng chung trên phạm vi toàn quốc (một số khoản phí, lệ phí gắn với dịch vụ có tính chất đặc thù có phạm vi áp dụng riêng cho từng địa phương). Mặt khác, Luật Phí và lệ phí đã giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

+ Về nội dung liên quan quản lý thuế: các nội dung liên quan đến việc giao Chính phủ quy định chi tiết thi hành các điều khoản của Luật Quản lý thuế và

các văn bản pháp luật liên quan, bao gồm: quy định chi tiết về thủ tục hành chính thuế (hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử, kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, ấn định thuế, gia hạn nộp thuế, xóa nợ tiền thuế); các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế (trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản, khấu trừ tiền lương, dừng thủ tục hải quan, ngừng sử dụng hóa đơn, kê biên và bán đấu giá tài sản, thu hồi giấy phép kinh doanh); quy định về phối hợp liên ngành trong quản lý thuế giữa cơ quan thuế với cơ quan đăng ký kinh doanh, chính quyền địa phương, ngân hàng thương mại, cơ quan hải quan và các tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử; quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu trong bối cảnh thực hiện cam kết quốc tế về chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu. Việc giao thẩm quyền cho Chính phủ là cần thiết do các quy định này có phạm vi điều chỉnh rộng, tác động đến nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của người nộp thuế, đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa nhiều Bộ, ngành, đồng thời mang tính chất chính sách vĩ mô, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư kinh doanh và cam kết hội nhập quốc tế, vượt quá phạm vi quản lý ngành của Bộ Tài chính, đòi hỏi sự cân nhắc tổng thể ở cấp Chính phủ để đảm bảo tính thống nhất, khả thi và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

- Có 10 nhiệm vụ quản lý nhà nước hiện đang được quy định tại Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Cục Thuế và Cục CST đề xuất phân cấp, phân quyền cho UBND tỉnh, thành phố và Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện (01 nhiệm vụ từ Bộ Tài chính phân cấp cho UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện; 02 nhiệm vụ từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phân cấp cho Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện; 01 nhiệm vụ từ Thủ tướng Chính phủ phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện; 06 nhiệm vụ từ Chính phủ phân quyền cho Bộ Tài chính thực hiện). Lý do đề xuất phân cấp, phân quyền:

+ Đối với lĩnh vực chính sách thuế: Theo Luật NSNN, lệ phí trước bạ là khoản thu thuộc ngân sách địa phương. Nghị định số 10/2022/NĐ-CP quy định giá tính LPTB đối với nhà và giá tính LPTB đối với đất thực hiện theo Bảng giá do UBND cấp tỉnh ban hành. Do đó, việc phân cấp thẩm quyền ban hành Bảng giá tính LPTB chuyển về UBND cấp tỉnh đảm bảo đồng bộ theo đúng tinh thần tổ chức, sắp xếp bộ máy theo định hướng của Đảng và Nhà nước về việc phân cấp, phân quyền về chính quyền địa phương và tạo điều kiện chủ động cho địa phương trong việc áp dụng giá tính và thu LPTB. Phù hợp nguyên tắc quy định tại Khoản 2 Điều 7 Luật Tổ chức chức Chính phủ.

+ Đối với lĩnh vực quản lý thuế: Các nội dung đề nghị phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý thuế nêu trên đều liên quan đến việc quy định chi tiết về thủ tục hành chính thuế, hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp, địa điểm nộp, quản lý nợ thuế, dịch vụ hóa đơn điện tử và nội dung phê duyệt, ký kết, quyết định thời điểm có hiệu lực của APA, những vấn đề mang tính kỹ thuật, chuyên môn

thuộc lĩnh vực quản lý thuế nhằm tăng tính linh hoạt, hiệu quả trong việc thực thi quản lý thuế.

Căn cứ theo quy định tại Điều 8 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025 thì 9 nhiệm vụ đề nghị phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý thuế đều là nội dung được phân cấp, phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính. Theo Thông báo số 456/TB-BTC thì nguyên tắc xây dựng Nghị định là rà soát các vấn đề ưu tiên, cấp bách về phân cấp, phân quyền. Các nhiệm vụ mà Cục Thuế đề nghị phân cấp đều là nhiệm vụ trong liên quan đến thủ tục hành chính thuế, hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp, địa điểm nộp, quản lý nợ thuế là vấn đề cần phải đẩy nhanh thời gian và cải cách mạnh nhằm cắt giảm và đơn giản thủ tục hành chính, giám chi phí tuân thủ cho người nộp thuế theo đúng định hướng tại Nghị quyết 68-NQ/TW và công điện 22 của Thủ tướng Chính phủ là *“thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo”*.

Nội dung chi tiết như sau:

2.1. Phân cấp nhiệm vụ, thẩm quyền về chính sách thuế của Bộ Tài chính cho UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Dự thảo Nghị định đề xuất Bộ Tài chính phân cấp cho UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với nhiệm vụ xây dựng, ban hành bảng giá tính lệ phí trước bạ và bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung.

b) Dự thảo quy định trình tự thủ xây dựng bảng giá thực hiện như sau:

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ tình hình thực tế của địa phương, chỉ đạo các cơ quan chức năng xây dựng Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy, để Ủy ban nhân dân cấp xem xét, ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ áp dụng tại địa phương, cụ thể:

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cơ quan thuế cấp tỉnh xây dựng Bảng giá tính lệ phí trước bạ áp dụng đối với ô tô, xe máy thuộc diện chịu lệ phí trước bạ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Trường hợp cần điều chỉnh Bảng giá tính lệ phí trước bạ thì cơ quan thuế cấp tỉnh phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trước ngày mùng 5 tháng cuối quý.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Quyết định về Bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung trước ngày 25 của tháng cuối quý để áp dụng kể từ ngày đầu của quý tiếp theo.

c) Dự thảo quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc hướng dẫn quy trình xây dựng bảng giá tính lệ phí trước bạ và bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung.

2.2. Phân cấp, phân quyền nhiệm vụ, thẩm quyền về quản lý thuế của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Tài chính

a) Dự thảo Nghị định đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính các nhiệm vụ, thẩm quyền tại các điều khoản cụ thể của **Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14** như sau:

- Quy định chi tiết việc người nộp thuế không phải nộp các chứng từ trong hồ sơ khai thuế, nộp thuế, hồ sơ hoàn thuế và các hồ sơ thuế khác mà cơ quan quản lý nhà nước đã có (khoản 11 Điều 17).

- Quy định chi tiết hồ sơ khai thuế; quy định loại thuế khai theo tháng, khai theo quý, khai theo năm, khai theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế, khai quyết toán thuế; khai các khoản phải nộp về phí, lệ phí do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu; kê khai, cung cấp, trao đổi, sử dụng thông tin đối với báo cáo lợi nhuận liên quốc gia; tiêu chí xác định người nộp thuế để khai thuế theo quý (khoản 8 Điều 43).

- Quy định thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với các loại thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác vào ngân sách nhà nước (khoản 5 Điều 44).

- Quy định địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với các trường hợp đặc thù (khoản 4 Điều 45).

- Quy định thủ tục, hồ sơ, thời gian khoanh nợ đối với trường hợp được khoanh nợ (khoản 1 Điều 84).

- Thẩm quyền quyết định xóa nợ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 85 của Luật Quản lý thuế có khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 15.000.000.000 đồng trở lên (khoản 4 Điều 87).

- Quy định chi tiết dịch vụ về hóa đơn điện tử và quy định trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế phải trả tiền dịch vụ, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử (khoản 3 Điều 92).

Các nội dung đề nghị phân cấp nêu trên đều liên quan đến việc quy định chi tiết về thủ tục hành chính thuế, hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp, địa điểm nộp, quản lý nợ thuế (bao gồm cả thẩm quyền quyết định xóa nợ thuế lớn từ 15 tỷ đồng trở lên và quy định về khoanh nợ) và dịch vụ hóa đơn điện tử - những vấn đề mang tính kỹ thuật, chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý thuế nhằm tăng tính linh hoạt, hiệu quả trong việc thực thi quản lý thuế. Trong đó, đối với 7 nội dung đang quy định tại Luật được đưa vào dự thảo Nghị định căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15, Bộ Tài chính đã đưa vào hồ sơ dự thảo Luật quản lý thuế thay thế do vậy, nội dung này cũng sẽ được báo cáo Quốc hội vào kỳ họp tháng 10 năm 2025 (không phải làm báo riêng)

b) Dự thảo Nghị định đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phân cấp cho Bộ trưởng Bộ Tài chính các nhiệm vụ, thẩm quyền tại các điều khoản cụ thể của **Nghị định số 126/2020/NĐ-CP** như sau:

- Đối với các thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) song phương, đa phương có sự tham gia của cơ quan thuế nước ngoài, Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt nội dung APA, quyết định về việc ký kết. Căn cứ vào cấp ký kết của đối tác nước ngoài, Bộ trưởng Bộ Tài chính có thể trực tiếp ký kết hoặc giao cho Cục Thuế ký kết APA song phương và đa phương (Khoản 5 Điều 41)

- Quyết định thời điểm bắt đầu có hiệu lực của APA, bao gồm cả các APA song phương hoặc đa phương có liên quan đến quản lý thuế của cơ quan quản lý thuế nước ngoài (Khoản 7 Điều 41).

Lý do: Hiện nay, Bộ Tài chính đang trong quá trình xem xét một số hồ sơ APA song phương, đa phương và chưa trình lên Thủ tướng Chính phủ tuy nhiên, từ thực tế thực hiện, Bộ Tài chính thấy rằng việc phân cấp thẩm quyền này cho Bộ trưởng Bộ Tài chính sẽ giúp: Rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; Đẩy nhanh tiến độ đàm phán, ký kết APA với cơ quan thuế nước ngoài; Nâng cao tính chủ động, linh hoạt trong việc ký kết APA, góp phần phòng chống chuyển giá hiệu quả hơn; Phù hợp với xu hướng quốc tế trong việc trao quyền cho cơ quan thuế/tài chính trong đàm phán, ký kết APA.

b) Trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ phân cấp, phân quyền:

Dự thảo Nghị định quy định trình tự, thủ tục thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền như sau:

b.1) Đối với thẩm quyền quyết định xóa nợ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã có khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 15 tỷ đồng trở lên của Thủ tướng Chính phủ (quy định tại khoản 4 Điều 87 Luật Quản lý thuế) được phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính:

- Cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế lập và gửi hồ sơ đến Cục Thuế.

- Cục Thuế thẩm định hồ sơ:

+ Trường hợp không thuộc đối tượng xóa nợ thì Cục Thuế thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo mẫu số 02/XOANO ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính;

+ Trường hợp thuộc đối tượng được xóa nợ và hồ sơ đầy đủ, Cục Thuế dự thảo quyết định xóa nợ theo mẫu số 06/XOANO ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính, trình Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

b.2) Đối với thẩm quyền xem xét phê duyệt nội dung APA và ký kết APA song phương, đa phương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (quy định tại khoản 5 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) được phân cấp cho Bộ trưởng Bộ Tài chính:

Trên cơ sở kết quả thẩm định hồ sơ APA, Cục Thuế dự thảo phương án đàm phán, xin ý kiến các Bộ ngành liên quan (nếu cần thiết) và trình lãnh đạo

Bộ Tài chính phê duyệt trước khi tiến hành đàm phán. Sau khi trao đổi, đàm phán với người nộp thuế với cơ quan thuế đối tác và người nộp thuế (trong trường hợp APA song phương hoặc APA đa phương) về nội dung APA, Cục Thuế xây dựng dự thảo APA và trình lãnh đạo Bộ Tài chính phê duyệt, tiến hành ký kết APA.

b.3) Đối với các thẩm quyền của Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ thủ tục quản lý thuế (quy định tại các khoản 11 Điều 17; khoản 8 Điều 43; khoản 5 Điều 44; Khoản 4 Điều 45; Khoản 1 Điều 84 của Luật Quản lý thuế) được phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính:

Các nội dung này hiện đang được quy định chi tiết tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP do vậy, sau khi nghị định này được ban hành nếu có phát sinh cần sửa đổi nội dung nào thì Bộ trưởng Bộ Tài chính sẽ ban hành thông tư hướng dẫn chi tiết theo quy trình thủ tục của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

c) Trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền

Dự thảo quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính như sau:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định này.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cơ quan quản lý thuế để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền.

2.4. Điều khoản chuyển tiếp

Nhằm đảm bảo tính liên tục trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính và không làm gián đoạn quyền lợi của người nộp thuế, dự thảo Nghị định quy định điều khoản chuyển tiếp đối với các hồ sơ đang trong quá trình giải quyết tại thời điểm Nghị định có hiệu lực, cụ thể:

a) Đối với các hồ sơ đã được trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có quyết định xoá nợ thì Thủ tướng Chính phủ tiếp tục xử lý theo thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 87 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

b) Đối với các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền về quy định chi tiết về thủ tục hành chính về thuế (khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, khoan nợ) và dịch vụ hóa đơn điện tử quy định tại khoản 11 Điều 17, khoản 8 Điều 43, khoản 5 Điều 44, khoản 4 Điều 45, khoản 1 Điều 84 và khoản 3 Điều 92 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện thẩm quyền quy định tại Nghị định này khi có phát sinh yêu cầu phải sửa đổi các nội dung đang quy định tại các văn bản quy phạm hiện hành có liên quan

b) Đối với các hồ sơ đề nghị áp dụng APA song phương, đa phương đã nộp cho cơ quan thuế trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa

được báo cáo Chính phủ thi thẩm quyền phê duyệt, ký kết thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

c) Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chưa ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy thì tiếp tục được áp dụng Bảng giá tính lệ phí trước bạ. Bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung đối với ô tô, xe máy do Bộ Tài chính ban hành.

2.5. Hiệu lực thi hành

Dự thảo Nghị định quy định có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và được thực hiện đến hết ngày 01 tháng 03 năm 2027², trừ các trường hợp sau:

- Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ đề xuất và được Quốc hội quyết định kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị định này;

- Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 và quy định tương ứng trong Nghị định này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

Trong thời gian các quy định của Nghị định này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Nghị định này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Nguồn nhân lực

Việc thực hiện phân cấp, phân quyền theo Nghị định này chủ yếu là phân cấp từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Tài chính, không phát sinh thêm nguồn nhân lực mới. Bộ Tài chính và Cục Thuế sẽ sử dụng bộ máy, nhân lực hiện có để thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp.

2 Nguồn lực tài chính

Việc thực hiện Nghị định không làm phát sinh thêm chi ngân sách nhà nước. Các hoạt động liên quan đến việc triển khai thực hiện Nghị định sẽ được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Bộ Tài chính và Cục Thuế.

3. Điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật

² Theo mẫu dự thảo Nghị định kèm theo công văn số 2891/BTP-PLHSHC ngày 23/5/2025 của Bộ Tư pháp

Hiện nay, hệ thống công nghệ thông tin của ngành thuế đã được đầu tư đồng bộ, hiện đại, đáp ứng được yêu cầu quản lý. Việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp sẽ dựa trên hệ thống công nghệ thông tin hiện có.

Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt là các hệ thống liên quan đến khai thuế điện tử, hóa đơn điện tử, quản lý nợ thuế.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định về phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức; (3) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (4) Bản chụp văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, tổ chức)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc (để b/c);
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục CST - BTC;
- Vụ PC - BTC
- Lưu: VT, CT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo 24.05.2025

NGHỊ ĐỊNH**Quy định về phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế, quản lý thuế***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;**Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế, quản lý thuế.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người có thẩm quyền trong lĩnh vực thuế, quản lý thuế được quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ cần điều chỉnh để thực hiện phân quyền, phân cấp.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp, phân quyền

1. Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp; phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân quyền, phân cấp của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Bảo đảm phân cấp triệt để các nhiệm vụ giữa cơ quan nhà nước ở trung ương với chính quyền địa phương, bảo đảm thẩm quyền quản lý thống nhất của Chính phủ, quyền điều hành của người đứng đầu Chính phủ đối với lĩnh vực quản lý nhà nước về thuế, quản lý thuế và phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế, quản lý thuế

3. Bảo đảm Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ tập trung thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô; xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát.

4. Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp và phân định rõ thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; phân định rõ thẩm

quyền chung của Ủy ban nhân dân và thẩm quyền riêng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân định.

5. Thực hiện phân quyền, phân cấp giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan bảo đảm đồng bộ, tổng thể, liên thông, không bỏ sót hoặc chồng lấn, giao thoa nhiệm vụ; bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan; không để gián đoạn công việc, không để chồng chéo, trùng lặp, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn.

6. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền, nghĩa vụ và các thủ tục theo quy định của pháp luật; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, người dân, doanh nghiệp.

7. Bảo đảm không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

8. Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH THUẾ

Điều 3. Xây dựng, ban hành bảng giá tính lệ phí trước bạ và bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, ban hành bảng giá tính lệ phí trước bạ và bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 13 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ.

2. Trình tự, thủ tục xây dựng bảng giá thực hiện như sau:

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ tình hình thực tế của địa phương, chỉ đạo các cơ quan chức năng xây dựng Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy, để Ủy ban nhân dân cấp xem xét, ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ áp dụng tại địa phương, cụ thể:

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cơ quan thuế cấp tỉnh xây dựng Bảng giá tính lệ phí trước bạ áp dụng đối với ô tô, xe máy thuộc diện chịu lệ phí trước bạ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

b) Trường hợp cần điều chỉnh Bảng giá tính lệ phí trước bạ thì cơ quan thuế cấp tỉnh phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trước ngày mùng 5 tháng cuối quý.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Quyết định về Bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung trước ngày 25 của tháng cuối quý để áp dụng kể từ ngày đầu của quý tiếp theo.

Điều 4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Hướng dẫn quy trình xây dựng bảng giá tính lệ phí trước bạ và bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung.

Chương III

PHÂN QUYỀN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC

QUẢN LÝ THUẾ

Điều 5. Hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp và địa điểm nộp hồ sơ khai thuế

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Quy định chi tiết việc người nộp thuế không phải nộp các chứng từ trong hồ sơ khai thuế, nộp thuế, hồ sơ hoàn thuế và các hồ sơ thuế khác mà cơ quan quản lý nhà nước đã có, căn cứ tình hình thực tế và điều kiện trang bị công nghệ thông tin theo quy định tại khoản 11 Điều 17 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

b) Quy định chi tiết hồ sơ khai thuế; quy định loại thuế khai theo tháng, khai theo quý, khai theo năm, khai theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế, khai quyết toán thuế; khai các khoản phải nộp về phí, lệ phí do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu; kê khai, cung cấp, trao đổi, sử dụng thông tin đối với báo cáo lợi nhuận liên quốc gia; tiêu chí xác định người nộp thuế để khai thuế theo quý theo quy định tại khoản 8 Điều 43 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

c) Quy định thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; tiền sử dụng đất; tiền thuê đất, thuế mặt nước; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; lệ phí trước bạ; lệ phí môn bài; khoản thu vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; báo cáo lợi nhuận liên quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 44 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

d) Quy định địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với người nộp thuế có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh; người nộp thuế thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh ở nhiều địa bàn; người nộp thuế có phát sinh nghĩa vụ thuế đối với các loại thuế khai và nộp theo từng lần phát sinh, các khoản thu từ đất, cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, quyết toán thuế thu nhập cá nhân; và người nộp thuế thực hiện khai thuế thông qua giao dịch điện tử cùng các trường hợp cần thiết khác theo quy định tại khoản 4 Điều 45 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn.

Điều 6. Khoanh nợ thuế

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ quy định chi tiết thủ tục, hồ sơ, thời gian khoanh nợ đối với trường hợp được khoanh nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định xóa nợ thuế

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ quyết định xóa nợ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 85 của Luật Quản lý thuế có khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 15.000.000.000 đồng trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều 87 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

a) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế lập và gửi hồ sơ đến Cục Thuế.

b) Cục Thuế thẩm định hồ sơ:

Trường hợp không thuộc đối tượng xóa nợ thì Cục Thuế thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo mẫu số 02/XOANO ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính;

Trường hợp thuộc đối tượng được xóa nợ và hồ sơ đầy đủ, Cục Thuế dự thảo quyết định xóa nợ theo mẫu số 06/XOANO ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính, trình Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

Điều 8. Quản lý hóa đơn điện tử

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ quy định chi tiết dịch vụ về hóa đơn điện tử và quy định trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế phải trả tiền dịch vụ, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn.

Điều 9. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cơ quan quản lý thuế để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền.

CHƯƠNG IV

PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ

Điều 10. Phê duyệt nội dung, ký kết và quyết định thời điểm có hiệu lực của thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ phê duyệt nội dung APA, quyết định về việc ký kết đối với các APA song phương, đa phương có sự tham gia của cơ quan thuế nước ngoài. Căn cứ vào cấp ký kết của đối tác nước ngoài, Bộ trưởng Bộ Tài chính có thể trực tiếp ký kết hoặc giao cho Cục trưởng Cục

Thuế ký kết APA song phương và đa phương theo quy định tại khoản 5 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

Trình tự, thủ tục thực hiện như sau: Trên cơ sở kết quả thẩm định hồ sơ APA, Cục Thuế dự thảo phương án đàm phán, xin ý kiến các Bộ ngành liên quan (nếu cần thiết) và trình lãnh đạo Bộ Tài chính phê duyệt trước khi tiến hành đàm phán. Sau khi trao đổi, đàm phán với người nộp thuế với cơ quan thuế đối tác và người nộp thuế (trong trường hợp APA song phương hoặc APA đa phương) về nội dung APA, Cục Thuế xây dựng dự thảo APA và trình lãnh đạo Bộ Tài chính phê duyệt, tiến hành ký kết APA.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ quyết định thời điểm bắt đầu có hiệu lực của APA, bao gồm cả các APA song phương hoặc đa phương có liên quan đến quản lý thuế của cơ quan quản lý thuế nước ngoài theo quy định tại khoản 7 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các hồ sơ đã được trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có quyết định xoá nợ thì Thủ tướng Chính phủ tiếp tục xử lý theo thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 87 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

2. Đối với các nhiệm vụ được quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 Nghị định này, Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện thẩm quyền quy định tại Nghị định này khi có phát sinh yêu cầu phải sửa đổi các nội dung đang quy định tại các văn bản quy phạm hiện hành có liên quan.

3. Đối với các hồ sơ đề nghị áp dụng APA song phương, đa phương đã nộp cho cơ quan thuế trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa được báo cáo Chính phủ thì thẩm quyền phê duyệt, ký kết thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

4. Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chưa ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy thì tiếp tục được áp dụng Bảng giá tính lệ phí trước bạ. Bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung đối với ô tô, xe máy do Bộ Tài chính ban hành.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị định này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ các trường hợp sau:

a) Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ đề xuất và được Quốc hội quyết định kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị định này;

b) Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ

tướng Chính phủ có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 và quy định tương ứng trong Nghị định này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

3. Trong thời gian các quy định của Nghị định này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Nghị định này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b)

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính